

Bản án số: 39/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-7-2018.
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Đoàn Tấn Tiên;
2. Ông: Trần Hữu Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị T, sinh năm: 1991; địa chỉ: Ấp PT, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Hải Ph, sinh năm: 1991; địa chỉ: Ấp PT, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (có đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 4 năm 2018 và *bổ sung* trong quá trình giải quyết vụ án *nguyên đơn* chị Phan Thị T trình bày:

Chị và anh Ph tự nguyện chung sống năm 2012, đăng ký kết hôn ngày 01-3-2012, tại Ủy ban nhân dân xã P, Huyện D. Chung sống đến ngày 03 tháng 01 năm 2013 thì anh Ph phạm tội hiếp dâm và bị bắt giam, ngày 06/5/2013, Tòa án tỉnh Tây Ninh xử phạt anh Ph 16 năm tù về tội hiếp dâm, hiện nay anh Ph đang chấp hành án tại Trại giam Cây Cầy của Bộ Công an. Chị thấy không thể còn

chung sống với anh Ph được nữa, chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ph.

Về con chung: Chị và anh Ph có 01 con chung tên là Phạm Đình V, sinh ngày 06-4-2013, từ khi sinh đến nay chị nuôi con, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Chị không yêu cầu anh Ph phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

Bị đơn: Anh Phạm Hỷ Ph trình bày theo Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai (bl số 19, 20) Anh và chị T tự nguyện chung sống năm 2012 và có đăng ký kết hôn, anh phạm tội hiếp dâm và bị phạt án tù 16 năm, chấp hành án từ năm 2013 đến nay, nay chị T có yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung có 01 con chung tên Phạm Đình V sinh năm 2013, hiện chị T đang nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định; không vi phạm về tố tụng.

Đối với bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị T, anh Ph được ly hôn, giao con chung cho chị T nuôi, ghi nhận chị T không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Về tài sản chung chị T không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung không có. Về án phí sơ thẩm chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe các đương sự trình bày và hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Phạm Hỷ Ph đang chấp hành án tù, có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Ph đăng ký kết hôn ngày 01-3-2012, tại Ủy ban nhân dân xã P, Huyện D nên được công nhận đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn vợ chồng lỗi là do anh Ph phạm tội vào năm 2013 và bị xử phạt 16 năm tù, lý do mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu được ly hôn, anh Ph đồng ý ly hôn nên ghi nhận và cho anh chị được ly hôn là có căn cứ.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh Ph theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị T anh Ph có 01 con chung tên là Phạm Đình V, sinh ngày 06-4-2013, từ khi sinh con đến nay chị T là người trực tiếp nuôi con. Chị T có yêu cầu tiếp tục được nuôi con sau khi ly hôn với anh Ph, yêu cầu của chị T phù hợp với quy định của khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Ph phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

[4] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[5] Về nợ chung: Anh, chị thống khai không có.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn, về con chung, về án phí. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và Gia đình; Điều 147, 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị T đối với anh Phạm Hải Ph.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phan Thị T được ly hôn với anh Phạm Hải Ph.

2. Về quan hệ con chung: Chị T được trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Đình V, sinh ngày 06-4-2013. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Ph phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Anh Ph không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh Ph thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung; về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị T đã nộp theo biên lai số 0010412 ngày 13-4-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, ghi nhận chị T đã nộp xong án phí.

Quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án; anh Ph được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện D;
- Chi cục THADS Huyện D;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Vũ Văn Khanh